

Số: **02/2019/QĐST-DS**

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **M**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1/. Ông **N**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Bà **N1**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của ông N, bà N1: Ông **N2**. Địa chỉ: ấp C2, xã B2, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền ngày 17/10/2019) .

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà **M1**. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2/. **Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng**. Địa chỉ: ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng: Ông **A**, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy ủy quyền ngày 02/01/2019).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông N, bà N1 đồng ý giao cho ông M, bà M1 phần đất tính từ cạnh có số đo 77m ở hướng Bắc đo về hướng đất của ông M; cạnh này được đo từ vị trí ở hướng Tây giáp đất M và đất N, số đo 0m (tại vị trí gốc cây dừa lớn ngang nhà mồ) đo thẳng đến vị trí ở hướng Đông giáp đất R, số đo 1,5m (tại vị trí tính từ mí hàng rào xây gạch 10 + lưới B40 đo về hướng nhà ông N).

(có sơ đồ phân đất kèm theo Quyết định này)

Phần đất nêu trên hiện nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 775836 (số vào sổ cấp GCN: CH00101), ngày 15/12/2011 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông N, bà N1 đối với thửa đất số 488, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng có tổng diện tích 1.141m².

2.2. Khi ông N, bà N1 giao cho ông M, bà M1 phần đất nêu trên thì đối với các cây trồng trên đất (một số cây dừa, cây chuối và cây hoa màu khác), công trình xây dựng trên đất (hàng rào xây gạch 10 + lưới B40 có kích thước cao 02m, dài 1,5m + 15,3m + 1,5m) ông N, bà N1 đồng ý tự tháo dỡ và di dời; ông M, bà M1 không có trách nhiệm hỗ trợ chi phí tháo dỡ và di dời.

2.3. Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 775836 (số vào sổ cấp GCN: CH00101), ngày 15/12/2011 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông N, bà N1 đối với thửa đất số 488, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng thì ông M xin rút lại, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản tổng cộng là 5.615.000 (Năm triệu sáu trăm mười lăm nghìn) đồng: Ông M đồng ý chịu 2.615.000 (Hai triệu sáu trăm mười lăm nghìn) đồng. Ông N, bà N1 đồng ý cùng chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Do toàn bộ chi phí này ông M đã nộp tạm ứng trước nên ông N, bà N1 phải cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông M số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng: Ông M đồng ý chịu, nhưng do ông M là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tổng cộng là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số: AA/2016/0000398 ngày 29/12/2017 và Biên lai thu số: AA/2016/0006941 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2.6. Ông M, ông N, bà N1 có quyền, nghĩa vụ đến liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng diện tích đất như nội dung thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (07);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP (02).

THẨM PHÁN

Trương Tố Hương